

Bản án số: **93** /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2019.
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý

Bà Nguyễn Thị Luận

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/9/2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT: Đội 4, thôn HX, xã ĐP, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Thôn TS, xã ĐN, huyện MĐ, Tp. Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Đội 4, thôn HX, xã ĐP, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị V.

Vắng mặt: Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện CM, Tp. Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh T ở thôn HX, xã ĐP, huyện CM. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, anh T mãi chơi không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, đánh chửi nhau. Hai bên gia đình

nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Đã ba lần chị về nhà bố mẹ đẻ, lần gần nhất là tháng 7 năm 2019, chị mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/11/2016; hiện đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị không có thai.

Hiện tại chị đang làm công nhân tại công ty TNHH K + K Fashion, thu nhập từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận anh và chị Trần Thị Cẩm V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện CM, Tp. Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh ở thôn HX, xã ĐP, huyện CM. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến xảy ra cãi cọ, xô xát, gia đình hai bên đã giải quyết. Ngày 16/8/2019, chị V mang con về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị V có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/11/2016; hiện tại đang ở cùng với mẹ. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T1. Anh tự nguyện không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại anh đang làm nhân viên phục vụ tại trường THPT CM B, thu nhập từ 7.000.000 đồng - 8.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị V giữ yêu cầu xin ly hôn anh T. Về con chung: chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh T1 và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T vắng mặt nên không có ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị V và xử cho chị Trần Thị Cẩm V được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: giao cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/11/2016 hiện tại dưới 36 tháng tuổi cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T; Về tài sản chung, công nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại xã ĐP, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm V kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện CM, Tp. Hà Nội nên hôn nhân giữa chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị V, anh T và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị V và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 7 năm 2019, chị V mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trước yêu cầu của chị V xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị V xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] **Về con chung:** Chị V và anh T xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/11/2016; hiện tại đang ở với chị V.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Chị V, anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung, cả hai bên đều có công việc và thu nhập. Bố mẹ của chị V và anh

T đều có đơn đề nghị nếu chị V, anh T nuôi con sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1. Xét thấy, cả chị V và anh T đều có những điều kiện cần thiết để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Tuy nhiên, xét thấy cháu T1 đến thời điểm xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Vì vậy, cần giao cháu T1 cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị V tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi khác.

[2.4] **Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị V và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] **Về án phí:** Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm V được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Trần Thị Cẩm V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị V và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004275 ngày 12/9/2019 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thị Cẩm V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú./.

Nơi nhận

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã ĐP, huyện CM, Tp. Hà Nội
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi